TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5- 2020.
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ơn.
2. Ông Bùi Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 198/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1991.
Nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1996.
Nơi cư trú: xóm B, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày: anh và chị Bùi Thị T từng có quan hệ hôn nhân với nhau đến tháng 5 năm 2019 thì ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ và chị T có một con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 24/10/2015. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị T và sự thỏa thuận về

việc nuôi con chung sau ly hôn. Theo đó, giao con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 24/10/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 06/5/2019 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Văn Đ chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình nuôi con, chị T thực tế để con cho ông bà ngoại nuôi, bản thân chị T không trực tiếp nuôi dưỡng con mà mải đi làm ăn xã tận tỉnh Bắc Ninh. Chị T một hai tháng mới về thăm con được một hai ngày lại đi. Trong thời gian đó, anh Đ có đến thăm con thì bị mẹ chị T ngăn cản không cho bố con anh gặp nhau. Hiện nay anh Đ cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi con tốt hơn chị T do có công việc làm, thu nhập ổn định và gần nhà; có đủ thời gian trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con. Do vậy, anh Bùi Văn Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa anh và chị Bùi Thị T; yêu cầu giao cháu Bùi Tuấn A cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn Đ chưa có yêu cầu chị Bùi Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phía chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn Đ có quan hệ hôn nhân, có con chung và đã ly hôn đúng như anh Đ trình bày. Sau khi ly hôn đến nay, con chung là cháu Bùi Tuấn A vẫn đang ở với gia đình chị, cụ thể là ở với mẹ chị là bà Hà Thị T. Bản thân chị là công nhân tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 *(Chín triệu)* đồng một tháng. Hàng tháng chị vẫn gửi tiền nuôi con và trực tiếp về thăm con hai lần một tháng. Chỗ ở hiện nay mẹ con chị vẫn ở với mẹ đẻ chị là bà Hà Thị T và một người em trai nhưng người em trai cũng đi làm tại tỉnh Bắc Ninh. Chị Bùi Thị T cho rằng mình vẫn đủ điều kiện nuôi con, con ở với chị tốt hơn ở với anh Đ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ.

Kết quả xác minh, anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị T đều có chỗ ở ổn định. Anh Bùi Văn Đ giao nộp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng lao động với Công ty TNHH xây dựng và thương mại S có địa chỉ trụ sở tại xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo đó, anh Bùi Văn Đ là lái xe của công ty, có thu nhập ổn định là 7.000.000 *(Bảy triệu)* đồng một tháng. Phía chị Bùi Thị T cung cấp cho Tòa án 3 bảng lương liên tiếp tháng 11 năm 2019 (mức lương thực tế 10.900.000đ - làm tròn số), 12 năm 2019 (mức lương thực tế 17.700.000đ- làm tròn số) và tháng 01 năm 2020 (mức lương thực tế 7.700.000đ - làm tròn số). Mức lương cơ bản là 4.000.000đ nhưng do tăng ca, thưởng nên mức lương các tháng không đều nhau. Chị Bùi Thị T hiện là công nhân Công ty TNHH Segyung Vina có trụ sở tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Anh Đ và chị T đều là người có chỗ ở ổn định, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của khu dân cư nơi cư trú; bản thân không mắc các tệ nạn xã hội. Anh Đ có công việc ổn định tại địa phương; ngày làm 8 tiếng sáng đi tối về còn chị T làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, một hoặc hai tháng mới về thăm con một lần. Con chung là cháu Bùi Tuấn A hiện đang ở với bà ngoại (mẹ chị T), cháu được đi học và thể chất phát triển bình thường. Hộ khẩu thường trú của cháu Bùi Tuấn A (và cả chị Bùi Thị T) vẫn cùng hộ gia đình anh Bùi Văn Đ.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình. Phía chị Bùi Thị Trang cho rằng anh Bùi Văn Đ hiện cũng đang làm việc xa nhà tại một công ty ở

tỉnh Bắc Ninh; chị T sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh. Anh Bùi Văn Đ khẳng định mình vẫn làm việc, sinh sống tại địa phương và cũng sẽ có chứng cứ để chứng minh.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng sau khi ly hôn, cháu Bùi Tuấn A thực tế vẫn sống cùng bà Hà Thị T là mẹ đẻ chị Bùi Thị T. Điều kiện về vật chất nuôi con của anh Đ và chị T là như nhau. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh Đ cũng đi làm ăn xa nhà tại Bắc Ninh, hợp đồng lao động anh Đ cung cấp tính đến thời điểm xét xử đã hết thời hạn. Để làm rõ hiện anh Đ có làm ăn, sinh sống tại địa phương không nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để các đương sự cung cấp chứng cứ. Tại phiên tòa được mở lại, phía anh Đ có cung cấp được cho Tòa án hợp đồng lao động đang thực hiện tại địa phương, phía chị T không có chứng cứ mới. Do vậy, có căn cứ cho rằng anh Đ hiện làm ăn, sinh sống tại địa phương còn chị T không thường xuyên có mặt tại địa phương, việc nuôi dưỡng thực tế trực tiếp do bà Hà Thị T thực hiện, chị Bùi Thị T chỉ cung cấp tiền và thăm con mà không trực tiếp nuôi; vi phạm nghĩa vụ nuôi con. Do đó, yêu cầu thay đổi người nuôi con của anh Bùi Văn Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Bùi Tuấn A cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Tranh chấp trong vụ án được xác định là Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có địa chỉ tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết là phù hợp các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc hoãn phiên tòa ngày 25/3/2020 là do yêu cầu chống dịch bệnh theo Chỉ thị số 02/2020/CT-CA ngày 10/3/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Việc hoãn phiên tòa lần 2 ngày 20/4/2020 do vắng mặt nguyên đơn và được coi là đương sự vắng mặt lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và Án lệ số 12/2017/AL, ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc tạm ngừng phiên tòa là để các đương sự cung cấp, thu thập bổ sung chứng cứ mới mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi ly hôn, con chung mặc dù thỏa thuận do chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng thực tế cháu Bùi Tuấn A lại ở với bà Hà Thị T là mẹ đẻ chị Bùi Thị T. Xét điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên thấy rằng: Anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị T đều có đủ phẩm chất đạo đức, có chỗ ở, công việc làm và thu nhập

ổn định, mức thu nhập bảo đảm cuộc sống. Tuy nhiên, chị Bùi Thị T không trực tiếp nuôi dưỡng con mà chỉ chu cấp tiền nuôi dưỡng cháu Tuấn A; con để cho mẹ đẻ chị T, là người chưa phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T do làm ăn xa nên không đủ điều kiện "trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Còn anh Bùi Văn Đ có công việc làm tại địa phương; sáng đi tối về nên có điều kiện gần gũi để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hơn chị T. Do đó, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, cần giao cháu Bùi Tuấn A cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, hợp tình và hợp lý.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn Đ chưa có yêu cầu chị Bùi Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của anh Bùi Văn Đ và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Đ. Anh Bùi Văn Đ vẫn có quyền yêu cầu chị Bùi Thị T đóng góp cấp dưỡng trong quá trình nuôi con. Chị Bùi Thị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Giao con chung của anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị T là Bùi Tuấn A, sinh ngày 24/10/2015 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bùi Thị T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Bùi Văn Đ chưa có yêu cầu. Chị Bùi Thị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002832 ngày 11/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn